

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày 14-3-2019

“V/v không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hoa.

2. Bà Đinh Thị Tuyết Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Tôn Thất L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ 14, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 14, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Tôn Thất L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị N qua thời gian tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện đến với nhau, do không hiểu biết pháp luật nên chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh và chị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi, không còn tin tưởng nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố anh và chị Lê Thị N không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh và chị N có 04 con chung cháu Tôn Thất D, sinh ngày 14/10/1999; Tôn Thất Đ, sinh ngày 14/6/1991; Tôn Nữ Thị H, sinh ngày 16/4/1993; Tôn Nữ Thị T, sinh ngày 10/11/1995. Hiện nay các con đã thành niên và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 31/12/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tôn Thất L có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, chung sống từ năm 1990 cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không còn tin tưởng nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đồng ý với yêu cầu của anh L về việc đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố chị N và anh L không phải là vợ chồng.

Về con chung: Chị N và anh L có 04 con chung như anh L đã trình bày, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung, vì các con đã thành niên và tự lập được.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 24/12/2018, nguyên đơn anh Tôn Thất L nộp đơn khởi kiện ly hôn với chị Lê Thị N và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của anh L đúng quy định, bị đơn chị Lê Thị N có nơi cư trú tại Tổ 14, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa chị N vắng mặt và có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N là đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Tôn Thất L, chị Lê Thị N và yêu cầu khởi kiện của anh L thấy rằng:

Anh L và chị N có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, tổ chức đám cưới theo phong tục và chung sống với nhau từ năm 1990 cho đến nay mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống được một thời gian thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không còn tin tưởng nhau, không còn yêu thương nhau nữa nên đề nghị Tòa án cho ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L và chị N đều thống nhất thừa nhận anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay mà không có đăng ký kết hôn; Ủy ban nhân dân thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xác nhận trong thời gian cư trú và sinh sống tại địa phương từ năm 1990 cho đến nay anh L và chị N không có đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, động viên anh L rút đơn khởi kiện xin ly hôn để quay về đoàn tụ với chị N và liên hệ UBND xã (thị trấn) có thẩm quyền để đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nhưng anh L kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn mặc dù vắng mặt chị N, với lý do vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn từ lâu, bản thân hiện không còn tình cảm với chị N nữa. Chị N và anh L đã không còn sống chung từ năm 2016 đến nay. Tại bản ghi lời khai của chị N thể hiện: chị N cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh L.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, để tuyên bố anh Tôn Thất L và chị Lê Thị N không phải là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Anh L và chị N có 04 con chung cháu Tôn Thất D, sinh ngày 14/10/1999; Tôn Thất Đ, sinh ngày 14/6/1991; Tôn Nữ Thị H, sinh ngày 16/4/1993; Tôn Nữ Thị T, sinh ngày 10/11/1995. Hiện nay các con đã thành niên và tự lập được, anh L và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh L và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Buộc anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 51, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết 236/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Tôn Thất L và chị Lê Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Miễn xét.

3. Về án phí: Buộc anh Tôn Thất L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007673 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn là anh Tôn Thất L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/3/2019). Bị đơn là chị Lê Thị N vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chư Sê (01 bản);
- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- Lưu HSVA (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Tiến Sỹ